TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ	*Kon Tum, ngày 08 tháng 02 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 311/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", giữa nguyên đơn chị Trần Thị Thu H với bị đơn anh Huỳnh Văn T. Cùng địa chỉ: Tổ N, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H với bị đơn anh Huỳnh Văn T;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Huỳnh Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Khánh V, sinh ngày 25/12/2017, cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh Huỳnh Văn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kể từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Lãi suất do chậm trả tiền được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, nợ nần: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án.

Án phí Thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) các đương sự thỏa thuận chị Trần Thị Thu H nhận chịu, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) mà chị H đã nộp theo biên lai số: 0000325, ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Thành phố Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố K;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung